TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 02 - 02 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Duy Toán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Tiến Sơn
2. Ông Nguyễn Hữu Hưởng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa*:** Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo: Sùng Thị S, sinh ngày 10/5/1968 tại xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú (hộ khẩu thường trú): Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai; Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: H.Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Sùng Quang D (đã chết) và bà Thào Thị C (đã chết); có chồng thứ nhất anh Cư Seo S (đã chết), chồng thứ hai anh Giàng Seo P, năm sinh 1978; có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền sự: Chưa; tiền án: Chưa; Nhân thân: Chưa; ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị tạm giam: Không; ngày được cho tại ngoại: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh số 1 huyện S thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai bào chữa cho bị cáo Sùng Thị S - Có mặt.

- *Người bị hại*: Anh Giàng A Q, năm sinh 1994
Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người làm chứng*:
1. Anh Cư Seo S, năm sinh 2003
Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
2. Anh Giàng Seo P, năm sinh 1978
Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Chị Lù Thị N, năm sinh 1991
Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-SMC ngày 21/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 11/11/ 2020, Sùng Thị S cùng chồng là anh Giàng Seo P đi xe máy từ nhà xuống Chợ S. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, S và chị Thào Thị D là người cùng thôn vào quán phở của anh Giàng A Q ăn phở. Lúc này S thấy anh Q lấy thẻ nạp điện thoại ra bán cho khách, S thấy trong chiếc hộp nhựa đựng thẻ nạp vẫn còn nhiều thẻ nạp nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi ăn phở xong, S đưa tiền cho chị Thào Thị D trả tiền phở, lợi dụng lúc không có người để ý S đã lấy trộm hộp đựng thẻ nạp và đi theo hướng đường đi xã T, khi đi cách quán phở của anh Q khoảng 30 mét S lấy S thẻ nạp trong hộp cho vào túi áo của mình rồi quay lại quán phở gọi chị D đi về. Trên đường về, S cùng chồng đi vào nhà con trai là anh Cư Seo S, khi đến nhà anh S, S bỏ số thẻ nạp trộm cắp được ra xem thì thấy có cả thẻ nạp Viettel và Vinaphone có mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng và 100.000 đồng nhưng không đếm cụ thể là bao nhiêu. Sau đó, S đưa toàn bộ số thẻ trộm cắp được nhờ anh S bán hộ và S nói với anh S là số thẻ nạp điện thoại trên do mình nhặt được ở Chợ S. Đến tối ngày 30/11/2020, S biết việc làm của mình là sai nên đã nói cho chồng biết số thẻ nạp điện thoại đã đưa cho anh S bán không phải là nhặt được mà do S lấy trộm. Nên sáng ngày 01/12/2020, chồng của S là anh P đã đưa S đến nhà anh S để lấy thẻ nạp điện thoại, sau đó S đến tự thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Si Ma Cai toàn bộ số thẻ nạp điện thoại gồm: 10 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 49 thẻ nạp Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 09 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000 đồng và số tiền mặt 700.000 đồng là số tiền S đã nhờ anh S bán một số thẻ mà S đã trộm cắp được để cơ quan điều tra trả lại và bồi thường cho người bị hại.

Tại bản Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 05/KL-ĐGTS ngày 01/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Si Ma Cai kết luận giá trị thực tế tài sản tại thời điểm ngày 01/12/2020 như sau: 10 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 49 thẻ nạp Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 09 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 03 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000 đồng. Tổng giá trị theo Hội đồng định giá xác định là 1.930.000 (một triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng. Đối với một số thẻ trộm cắp mà bị cáo đã nhờ anh Cư Seo S bán được số tiền 700.000 đồng, thì không tiến hành định giá.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với bị can Sùng Thị S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai đã truy tố.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

+ Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,i,r,s khoản 1Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Sùng Thị S từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản". Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

+ Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,i,r,s khoản 1Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Cho bị cáo Sùng Thị S được hưởng mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Đề nghị Toà án xử lý theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Do tài sản đã được thu hồi và người bị hại đã nhận lại tài sản, nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không yêu cầu Toà án giải quyết về phần dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì người làm chứng có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã ra Thông báo về việc giải quyết đề nghị trước khi mở phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của: Người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản không trông giữ cẩn thận, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi lén lút và mong muốn chiếm đoạt được tài sản mà người quản lý tài sản không biết. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Giàng A Q được xác định là 2.630.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai quyết định truy tố bị cáo Sùng Thị S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - sau khi bị cáo nhờ con trai của mình bán một số thẻ trộm cắp được, thì bị cáo đã nộp số tiền 700.000 đồng cho cơ quan Công an để hoàn trả cho người bị hại; tài sản bị cáo chiếm đoạt gây thiệt hại không lớn và đã thu hồi trả lại cho người bị hại; lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã nói cho chồng biết và chồng bị cáo đã đưa bị cáo đi tự thú hành vi phạm tội mình. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h,i,r,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Xét thấy, bị cáo nhất thời phạm tội, xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, chưa có tiền sự, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá không biết chữ dẫn đến nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã - nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung, việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo. Cần áp dụng khoản 1,2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã - nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát giáo dục bị cáo; do bị cáo không có thu nhập ổn định, sống ở xã vùng cao và phụ thuộc vào chồng thứ hai, nên không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Đối với anh Cư Seo S là người đã nhận bán hộ toàn bộ số thẻ nạp cho bị cáo, nhưng anh S không biết số thẻ nạp đó do bị cáo trộm cắp mà có, nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp làm ruộng và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm, bị cáo không yêu cầu giải quyết lại về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ của bị cáo: 10 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 49 thẻ nạp Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 9 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 3 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000 đồng là tài sản của người bị hại, còn số tiền mặt 700.000 đồng là số tiền bị cáo đã nhờ con trai bán một số thẻ mà bị cáo đã trộm cắp được để cơ quan Công an trả lại và bồi thường cho người bị hại. Xét thấy, vật chứng đó không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản đó cho người bị hại, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ

giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h,i,r,s khoản 1 Điều 51, khoản 1,2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Thị S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về mức hình phạt - Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Sùng Thị S 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai nhận được Quyết định thi hành án và người chấp hành án.

Giao bị cáo Sùng Thị S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Bị cáo Sùng Thị S không bị khấu trừ thu nhập.

Trong trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Bị cáo Sùng Thị S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai;
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Tống Duy Toán